

Số: **181** /2019/QĐST-VHNGĐ

Biên Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 203/2019/TLST-VHNGĐ ngày 22/01/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: tổ 7, thôn V, xã B, huyện Th, tỉnh Qu.

Địa chỉ liên hệ: số 01, đường 43, phường H, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

- **Ông Đặng Hữu H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: 25, tổ 2, ấp M, xã Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Hữu H tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, TP. B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2017 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Hữu H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Tấn Ph, sinh ngày 19/09/2018. Ly hôn, các bên thống nhất giao cháu Ph cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 01/2019 đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà C và ông H phải chịu lệ phí dân sự hòa giải thành là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà C và ông H đã nộp theo Biên lai thu số 003875 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà C và ông H đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Hữu H đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Tấn Ph, sinh ngày 19/09/2018. Ly hôn, các bên thống nhất giao cháu Ph cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01/2019 đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà C và ông H phải chịu lệ phí dân sự hòa giải thành là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà C và ông H đã nộp theo Biên lai thu số 003875 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà C và ông H đã nộp đủ lệ phí.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nêu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND xã Ph, TP. B,
Tỉnh Đồng Nai
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mộng Hà